**Mẫu số 01**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  **CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ……….**  **Mã hồ sơ: ………………….** | Ảnh mầu  4x6 |

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: □*)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y……………………….; Chuyên ngành: Tim mạch

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN TUẤN VŨ

2. Ngày tháng năm sinh: 24/01/1965 ; Nam ☑ ; Nữ □; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Đúc TP Huế, Thừa Thiên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 367 Bà Hạt Phường 4 Quận 10, TP Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: 41 Đào Duy Từ, Phường 5, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: 02838554472 ; Điện thoại di động: 0903618842;

E-mail: tuanvu2401@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1990 đến năm 1994, Nội trú Bộ môn Nội, Đại học Y Dược TP.HCM

- Từ năm 1994 đến năm 1995: Bác sĩ Nội trú ( FFI ) tại Trường Đại học Bordeaux II, Cộng hòa Pháp.

- Từ năm 1995 đến năm 2010: Giảng viên chính Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

- Từ năm 6/2010 đến 12/ 2012: BS điều trị và Giảng viên Đại học Y khoa Mainz Cộng hòa liên bang Đức theo chương trình hợp tác của Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP.HCM và Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh với Cộng hòa liên bang Đức.

-Từ 12/ 2012 đến nay: Giảng viên chính Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP.HCM

-Chức vụ hiện nay: Phó chủ nhiệm Bộ môn Nội TQ. Chức vụ cao nhất: PCN Bộ môn

-Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch TP.HCM.

-Địa chỉ cơ quan: .số 2 Dương Quang Trung, Phường 2, Quận 10, TP HCM.

- Điện thoại cơ quan :( 028) 38652435

-Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: không

8. Chưa nghĩ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 29 tháng 09 năm 1990, ngành: Y, chuyên ngành: nội -nhi - nhiễm

Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 11 tháng 5 năm 1998, ngành: Y, chuyên ngành: Nội tổng quát

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 10 tháng 06 năm 2005, ngành: Y, chuyên ngành: Nội tim mạch

Nơi cấp bằng TS: Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS : chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch Tp. Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:Y

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

-Chẩn đoán hình ảnh Tim mạch

- Siêu âm tỉm 3 chiều trong bệnh lý tim mạch

- Chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ tim

-Can thiệp Tim mạch

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 14 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc Sỹ;

- Đã hướng dẫn 05 học viên Nội trú bảo vệ thành công luận văn BS Nội trú;

- Đã hướng dẫn 07 học viên Chuyên khoa II bảo vệ thành công luận văn Chuyên khoa II tim mạch .

- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp cơ sở tại Viện Tim TP Hồ Chí Minh.

- Đã công bố 48 bài báo KH trong và ngoài nước, trong đó 12 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín

- Đã được cấp bằng chế, giải pháp hữu ích: chưa có

- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản có uy tín

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng: Giải khuyến khích Tim mạch can thiệp

Giải tuổi trẻ Tim mạch Học Việt Nam 2003

Do Hội Tim mạch quốc gia Việt Nam tặng.

16. Kỷ luật: Không.

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

a. Nhiệm vụ giảng dạy:

* Giảng dạy và bồi dưỡng sinh viên, học viên liên tục trong suốt 26 năm tại Bộ môn Nội ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Hoàn thành nhiệm vụ của gỉảng viên theo qui định hiện hành: giảng vượt giờ chuẩn, hướng dẫn học viên cao học – nội trú – Bác sỹ chuyên khoa II - thực hiện nghiên cứu khoa học đều đặn trong suốt quá trình làm việc như tham gia báo cáo đều các Hội nghị khoa học công nghệ của Trường, Hội nghị Tim mạch phía nam, báo cáo tại các Hội Nghị Tim mạch toàn quốc.
* Năng lực giảng dạy: rất tốt, trình bày các bài lý thuyết soạn đúng qui định chuẩn và cập nhật. Giảng dạy thực hành tập trung vào các vấn đề chính thường gặp trên lâm sàng. Tạo hứng thú cho sinh viên trong thực tập bằng những tình huống lâm sàng cụ thể điển hình.
* Cùng với Bộ môn Nội tham gia vào quá trình cập nhật biên soạn lại sách giáo khoa của bộ môn năm 2020 cho phù hợp với tính thời sự và nhu cầu đào tạo thực tế. Cùng Bộ môn Nội Đại học Y khoa PNT thực hiện các chương trình đào tạo y khoa liên tục cho đối tượng đã tốt nghiệp bác sỹ y khoa trong lĩnh vực nội khoa tim mạch như giảng dạy các lớp điện tim đồ nâng cao, siêu âm tim sau đại học.
* Là một nhà giáo có đạo đức tốt, luôn tận tâm với sinh viên, có ý thức giữ gìn danh dự và lương tâm nghề giáo. Có tinh thần đoàn kết và giúp đỡ đồng nghiệp, luôn tận tụy với nghề dạy học cùng khám và chữa bệnh, công bằng trong đánh giá học viên.
* Tham gia giảng dạy và làm công tác đào tạo tại Khoa Y Việt Đức- ĐHYK Phạm Ngọc Thạch

b) Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

* Đã thực hiện nghiên cứu và công bố tổng cộng 30 bài báo nghiên cứu khoa học trong nước và 12 bài báo quốc tế được công bố ở các tạp chí uy tín trên thế giới.
* Chủ trì và thực hiện 3 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở đã nghiệm thu tại Viện Tim thành phố Hồ Chí Minh.
* Hàng năm, đều tham gia báo cáo, chủ tọa đoàn các Hội nghị Tim mạch toàn quốc, Hội nghị Tim mạch phía nam. Đã tham gia và có 2 bài báo cáo tại Hội nghị Tim mạch Châu Á Thái Bình Dương lần 17 ở Hà Nội và có một báo cáo khoa học tại Hội nghị Tim mạch Châu Á Thái Bình Dương lần 21 ở Singapore.
* Chuyển giao công nghệ: đã thực hiện rất tốt việc chuyển giao công nghệ. Với trình độ và khả năng về tim mạch học can thiệp và hình ảnh học trong chẩn đoán bệnh lí tim mạch, giảng viên Nguyễn Tuấn Vũ đã tham gia giảng dạy các khóa đào tạo liên tục CME tại Viện Tim, về Siêu âm tim 3 chiều, MSCT, MRI tim, là những phương pháp chẩn đoán hiện đại. Tham gia giảng dạy các lớp Siêu âm tim sau đại học của trường ĐH Y khoa PNT và ĐH Y Dược TP Hồ Chí Minh.
* Hợp tác với bệnh viện Đại học Y dược giúp can thiệp những ca mổ khó có biến chứng bằng Siêu âm tim 3 chiều, Siêu âm tim qua thực quản.
* Hướng dẫn thành công 01 học viên chuyên khoa II của Học Viện Quân Y
* Trong nghiên cứu khoa học: Tôi luôn luôn bảo vệ quyền lợi của người tham gia nghiên cứu, thực hiện đầy đủ các điều y đức trong nghiên cứu, và luôn trung thực trong các báo cáo công trình nghiên cứu khoa học của mình.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*):

- Tổng số : 26 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm học** | **Số lượng NCS đã hướng dẫn** | | **Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn** | **Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD** | **Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp** | | **Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức** |
| **Chính** | **Phụ** | **ĐH** | **SĐH** |
| 1 | 2016-2017 |  |  | 3 |  | 74 | 84 | 158/586/270 |
| 2 | 2017-2018 |  |  | 3 |  | 75 | 84 | 159/582/270 |
| 3 | 2018-2019 |  |  | 2 |  | 68 | 103 | 171/539/270 |
| 3 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2019-2020 |  |  | 3 |  | 68 | 107 | 175/653/270 |
| 5 | 2020-2021 |  |  | 2 |  | 40 | 114 | 174/576/270 |
| 6 | 2021-2022 |  |  | 3 |  | 40 | 134 | 174/556/270 |

*(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số*[*64/2008/QĐ-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-64-2008-qd-bgddt-quy-dinh-che-do-lam-viec-doi-voi-giang-vien-82446.aspx)*ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số*[*36/2010/TT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-36-2010-tt-bgddt-sua-doi-quy-dinh-che-do-lam-viec-giang-vien-115835.aspx)*ngày 15/12/2010 và Thông tư số*[*18/2012/TT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-18-2012-tt-bgddt-che-do-lam-viec-giang-vien-nganh-nghe-thuat-140030.aspx)*ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

*- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn, Pháp văn, Đức

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑ :

- Học ĐH ☑;

Tại nước: Pháp từ năm 1994 đến năm 1995( Nội trú bệnh viện)

Cộng Hòa Liên Bang Đức từ năm 6/2010 đến năm 12/2012( theo chương trình hợp tác giáo dục của Ủy Ban Nhân Dân TP HCM với ĐH Mainz)

- Bảo vệ luận văn ThS □ hoặc luận án TS □ hoặc TSKH □; Tại nước: ……..năm…

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☑ :

- Trường ĐH cấp bằng ngoại ngữ: Đại Học Tổng hợp TP HCM, bằng B tiếng Pháp số bằng: 07903; năm cấp: 1994

- Bằng Tiếng Anh: trung cấp (Intermediate level - trung tâm ILA HCM/2014/06246)

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: không

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước)

d) Đối tượng khác ; Diễn giải

3.2. Tiếng Anh: trung cấp (Intermediate level - trung tâm ILA HCM/2014/06246)

Tiếng Pháp bằng B do Đại Học Tổng hợp TP HCM cấp, số 07903; năm cấp: 1994

Tiếng Đức B1 do Trường ngoại ngữ Volkshochschule/ MAINZ CHLBĐ cấp 28/06/2012

4. Hướng dẫn HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên HV** | **Đối tượng** | | **Trách nhiệm HD** | | **Thời gian hướng dẫn từ…đến…** | **Cơ sở đào tạo** | **Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng** |
| **NCS** | **HV** | **Chính** | **Phụ** |
| 1 | Nguyễn Tuấn Nam |  | Nội trú | x |  | 2012 – 2014 | ĐHYK PNT | 2014 |
| 2 | Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền |  | Nội trú | x |  | 2016-2019 | ĐHYK PNT | 2019 |
| 3 | Phan Thái Hảo |  | Cao học | x |  | 2011-2013 | ĐHYK PNT | 2013 |
| 4 | Nguyễn Tuấn |  | Cao học | x |  | 2011-2013 | ĐHYK PNT | 2013 |
| 5 | Nguyễn Thị Thanh Lan |  | Cao học | x |  | 2012-2015 | ĐHYK PNT | 2015 |
| 6 | Hứa Thị Tú Anh |  | Cao học | x |  | 2013-2015 | ĐHYK PNT | 2015 |
| 7 | Ông Xuân Hồng Diệu |  | Cao học | x |  | 2013-2015 | ĐHYK PNT | 2015 |
| 8 | Nguyễn Kim Phương |  | Cao học | x |  | 2013-2015 | ĐHYK PNT | 2015 |
| 9 | Trần Hữu Hiền |  | Cao học | x |  | 2014-2016 | ĐHYK PNT | 2016 |
| 10 | Đặng Thanh Huy |  | Cao học | x |  | 2014-2016 | ĐHYK PNT | 2016 |
| 11 | Nguyễn Lê Phương Thảo |  | Cao học | x |  | 2014-2016 | ĐHYK PNT | 2016 |
| 12 | Lê Cao Kha |  | Cao học | x |  | 2015-2017 | ĐHYK PNT | 2017 |
| 13 | Nguyễn Phạm Diễm Kiều |  | Cao học | x |  | 2016-2018 | ĐHYK PNT | 2018 |
| 14 | Võ Thanh Minh |  | Cao học | x |  | 2016-2018 | ĐHYK PNT | 2018 |
| 15 | Nguyễn Văn Tân |  | CK 2 | x |  | 2012-2014 | ĐHYK PNT | 2014 |
| 16 | Nguyễn Viết Hậu |  | CK 2 | x |  | 2015-2017 | ĐHYK PNT | 2017 |
| 17 | Mai Đức Huy |  | CK 2 | x |  | 2015-2017 | ĐHYK PNT | 2017 |
| 18 | Võ Ngọc Cẩm |  | CK2 | x |  | 2017-2019 | ĐHYK PNT | 2019 |
| 19 | Phan Thái Hảo |  | CK 2 | x |  | 2017-2019 | ĐHYK PNT | 2019 |
| 20 | Trịnh Hữu Dân |  | CK2 | x |  | 2018-2020 | ĐHYK PNT | 2020 |
| 21 | Võ Thành An |  | BSNT | x |  | 2017-2020 | ĐHYK PNT | 2020 |
| 22 | Trần Thế Vinh |  | BSNT | x |  | 2018-2021 | ĐHYK PNT | 2021 |
| 23 | Phạm Thị Ngọc Bích |  | CK2 | x |  | 2019-2021 | ĐHYK PNT | 2021 |
| 24 | Lê Hữu Đồng |  | CK2 | x |  | 2020-2022 | ĐHYK PNT |  |
| 25 | Võ Trần Minh Trí |  | CAO HỌC | x |  | 2020-2022 | ĐHYK PNT |  |
| 26 | Đỗ Thị Hồng Hạnh |  | CAO HỌC | x |  | 2020-2022 | ĐHYK PNT |  |
| 27 | Lê Nguyễn Hoàng |  | CK2 | x |  | 2020-2022 | ĐHYK PNT |  |

***Ghi chú:*** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

5.1.Trước bảo vệ Luận án TS: không

5.2.Biên soạn sách sau bảo vệ Luận án TS:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sách** | **Loại sách (CK, GT, TK, HD)** | **Nhà xuất bản và năm xuất bản** | **Số tác giả** | **Chủ biên** | **Phần biên soạn (từ trang … đến trang)** | **Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)** |
| 1 | Điều trị bệnh nội khoa | Giáo trình  Tham khảo | NXB Y học  2020  IBSN:978-604-66-4203-9 | 23 | TS BS CKII Trần Thị Khánh Tường | Từ trang 230 đến trang 243 | 2231/GCN-TĐHYKPNT |
| 2 | Triệu chứng học-Bệnh học nội khoa. | Giáo trình  Tham khảo | NXB Y học  2020  IBSN:978-604-66-4202-2 | 23 | TS BS CKII Trần Thị Khánh Tường | Từ trang 391 đến trang 406 | 2232/GCN-TĐHYKPNT |
| 3 | Đại cương siêu âm tim 3 chiều | Tham khảo  Giảng dạy sau ĐH | NXBVHVN  2019  IBSN: 978-604-68-5694-8 | 1 | TS BS Nguyễn Tuấn Vũ | Toàn văn | 2440/GCN-TĐHYKPNT |
| 4 | Những vấn đề tim mạch quan trọng trong thực hành lâm sàng |  | NXB Y HỌC  IBSN 978-604-66-4595-5 | 34 | GS TS Trương Quang Bình, BSCK2 Nguyễn Thanh Hiền, PGS TS Hồ Huỳnh Quang Trí | Trang 71-87; trang 183-188; trang 589-601 |  |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

***Lưu ý:***

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

**- Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

6.1. Trước bảo vệ Luận án TS: không

6.1.Sau bảo vệ Luận án TS:

| **TT** | **Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)** | **CN/PCN/TK** | **Mã số và cấp quản lý** | **Thời gian thực hiện** | **Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Vai trò của MSCT trong chẩn đoán phình bóc tách động mạch chủ tại Viện Tim TP. HCM | Chủ nhiệm | Cơ sở  Viện Tim TP. HCM | 06/2006- 06/2019 | 28/6/2019 |
|  | Đặc điểm lâm sàng và điều trị của bệnh dò động mạch vành tại Viện Tim TP. HCM | Chủ nhiệm | Cơ sở  Viện Tim TP. HCM | 06/2006 – 06/2019 | 28/06/2019 |
|  | Đặc điểm lâm sàng và điều trị của bệnh cơ tim xốp tại Viện Tim TP. HCM | Chủ nhiệm | Cơ sở  Viện Tim TP. HCM | 06/2006-06/2019 | 28/06/2019 |

***Lưu ý:***

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

**- Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| **TT** | **Tên bài báo** | **Số tác giả** | **Là tác giả chính** | **Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học** | **Tạp chí quốc tế uy tín** | **Số lần trích dẫn** | **Tập, số, trang** | **Năm công bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Trước khi bảo vệ Luận án Tiến Sĩ*** | | | | | | | | |
|  | Góp phần chẩn đoán và điều trị bệnh dò động mạch vành | 03 | x | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam  ISSN 1859-2848 |  | Số 1 | 30-37 | 1994 |
|  | Vai trò của chụp cắt lớp điện toán xoắn ốc trong chẩn đoán phình động mạch chủ | 03 | x | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam  ISSN 1859-2848 |  | số 16 | 92- 94 | 1998 |
|  | Chụp cộng hưởng từ trong chẩn đoán bệnh động mạch chủ | 03 | x | Y học TP. Hồ Chí Minh  ISSN 1859-1779 |  | Tập 7, phụ bản số 01 | 2-6 | 2003 |
|  | Vai trò của các phương pháp không xâm lấn trong chẩn đoán bóc tách động mạch chủ | 03 | x | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam  ISSN 1859-2848 |  | Phụ bản ĐH IX, số 29 | 101-103 | 2002 |
|  | Phình động mạch chủ và bệnh tiểu đường | 05 | x | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam  ISSN 1859-2848 |  | Số 29 | 101-102 | 2002 |
|  | Nghiên cứu kích thước bình thường của động mạch chủ ngực ở người Việt Nam | 03 | x | Y học TP. Hồ Chí Minh  ISSN 1859-1779 |  | Tập 6, số 01 | 31-36 | 2002 |
|  | Thân chung động mạch nhân một trường hợp lâm sàng có chụp cộng hưởng từ | 03 | x | Thời sự Tim mạch học |  | Số 53 | Số 53, trang 16-21 | 2002 |
|  | Siêu âm tim qua thực quản | 03 | x | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam  ISSN 1859-2848 |  | Số 36 | Số 36, trang 205-207 | 2003 |
|  | Chụp cắt lớp xoắn ốc trong đánh giá vôi hóa động mạch vành | 02 | x | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam  ISSN 1859-2848 |  |  | Số36, trang  206- 207 | 2003 |
|  | Đánh giá áp lực nhĩ trái qua khảo sát Doppler xung dòng tĩnh mạch phổi trong siêu âm tim qua thực quản | 04 | x | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam  ISSN 1859-2848 |  |  | Số 36, trang 211-214 | 2003 |
|  | Một trường hợp chuyển vị đại động mạch có dãn rất to thân động mạch phổi sau hẹp | 04 |  | Thời sự tim mạch học |  |  | Số 58, trang 8-9 | 2003 |
| 1. tU | Tương quan giữa vôi hóa mạch vành và nguy cơ bệnh mạch vành được dự báo theo điểm số nguy cơ Framingham, ATP III và PROCAM | 03 |  | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam  ISSN 1859-2848 |  |  | Số 37 trang 31-33 | 2004 |
| ***Sau khi bảo vệ thành công Luận án Tiến Sĩ ( 10/06/2005 )*** | | | | | | | | |
|  | Chụp mạch máu cắt lớp xoắn ốc đa diện MSCT-16 trong chẩn đoán bệnh động mạch vành | 02 | x | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam , phụ trương đặc biệt.  ISSN 1859-2848 |  |  | Số 41, tr225-229 | 2005 |
| 1. S | Siêu âm tim qua thực quản chẩn đoán các đường dò trong tim | 04 |  | Thời sự tim mạch học |  |  | Số 117, trang 16-18 | 2007 |
|  | Vai trò của chụp cắt lớp vi tính 64 lát cắt trong chẩn đoán bệnh tim bẩm sinh | 04 |  | Thời sự tim mạch học |  | 127 | Số 127, trang 8-15 | 2008 |
|  | MSCT -64 trong hội chứng Alcapa | 03 |  | Chuyên đề tim mạch học  NXB Y học  ISBN 910-978-604-66-0026-8 |  | 283 | Tháng 10, trang 12-17 | 2010 |
|  | Khảo sát mối tương quan giữa siêu âm động mạch cảnh chung với bệnh động mạch vành | 03 |  | Kỷ yếu hội nghị Tim mạch phía nam, pdf full text vnha.org.vn |  |  | Lấn 10, trang 45-46 | 2011 |
|  | Siêu âm tim 3D qua thực quản đánh giá bệnh van 2 lá vài nhận xét bước đầu | 04 |  | Phụ san Tạp chí tim mạch học Việt Nam ( Dại hội TM toàn quóc lần 13 )  ISSN 1859-2848 |  |  | Tháng 10, trang 72-73 | 2012 |
|  | Chụp mạch vành với máy chụp cắt lớp xoắn ốc 64 lát cắt ở bệnh nhân tiểu đường không biết bệnh động mạch vành: giá trị tiên lượng | 03 |  | Phụ san Tạp chí Tim mạch học Việt Nam  ISSN 1859-2848 |  |  | Tháng 10, trang 72-73 | 2012 |
|  | Bệnh cơ tim đái tháo đường: từ bệnh sinh đến chẩn đoán | 02 | x | Tạp chí Tim mạch học Việt Nam, ISSN 1859-2848 |  |  | Số 71, tr 82-92 | 2015 |
|  | Khảo sát vai trò của siêu âm tim 3 chiều trong chẩn đoán hẹp van 2 lá so với siêu âm tim qua thực quản | 02 |  | Tạp chí y dược học quân sự  ISSN 1859-0748 |  |  | Tập40, số 9, tr 112-118 | 2015 |
| 1. H | Hình ảnh van tim qua chụp MSCT tim 640- slice | 03 |  | Hội nghị khoa học tim mạch khu vực phía nam |  |  | Lần 12, tr104-105 | 2015 |
|  | MSCT -640 trong đánh giá van tim nhân tạo : bước đầu khảo sát 36 van | 03 |  | Tạp chí tim mạch Việt Nam, số đặc biệt hôi nghị khoa học toàn quốc 2017 |  |  | Số 80, tr87-92 | 2017 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hình ảnh chụp cắt lớp điện toán trên bệnh nhân không lỗ van động mạch phổi kèm thông liên thất | 03 |  | Y học TP. Hồ Chí Minh  ISSN 1859-1779 |  |  | Phụ bản tập 22, số 3, tr234-239 | 2018 |
|  | Chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán bệnh lí tim mạch | 03 |  | Thời sự Y học TP HCM |  |  | Tháng4, tr102-110 | 2019 |
|  | Siêu âm tim 3 chiều trong chẩn đoán bệnh tim mạch | 01 | x | Y học TP. Hồ Chí Minh  ISSN 1859-1779 |  |  | Tập 23, số 3, tr 52-57 | 2019 |
|  | Chụp cắt lớp vi tính đa dãy trong chẩn đoán bệnh dò động mạch vành | 01 | x | Y học TP. Hồ Chí Minh  ISSN 1859-1779 |  |  | Tập 23 số 4, tr 152-156 | 2019 |
|  | Nghiên cứu giá trị chất chỉ điểm sinh học NGAL huyết tương trong chẩn đoán hội chứng tim thận ty1p 1 | 02 |  | Y học TP. Hồ Chí Minh  ISSN 1859-1779 |  |  | Tập 24, số 3, tr 33 | 2020 |
|  | Siêu âm tim 3 chiều trong chẩn đoán đột quỵ não do thuyên tắc từ tim | 01 | x | Y học TP. Hồ Chí Minh  ISNN 1859-1799 |  |  | Tập 25, số 3, trang 148-156 | 2021 |
| 1. bB | Review of 13 Years of Pratical TEE | 02 | x | Ultrasound in Medicine and Biology  ISSN 0301-5629 | Scopus  IF:  2.998 |  | Vol. 35 Issue 8  S146 | 2009 |
|  | The Left Common Carotid Artery Rises from the Pulmonary Artery.An operated Case with MSCT-64 | 02 | x | ScienceDirect | Scopus  IF: 3167 |  | Vol.4, Supplement 1  P-425 | 2009 |
|  | Aneurysm of Valsalva Sinus. Report of Operated Case with MSCT-64 | 03 | x | ScienceDirect | Scopus  IF: 3167 |  | Vol.4, Supplement 1  P-424 | 2009 |
|  | Correlation Between Coronary Calcium and Predicted Coronary Artery Disease Risk Based on Framingham, ATPIII and PROCAM Risk Scores | 03 |  | ScienceDirect | Scopus  IF:  3.167 |  | Volume 4, Supplement , page 129 | 2009 |
|  | Coronary Angiography with 64-Slice MSCT: Effect of Atrial Fibrillation on Image Quality | 03 |  | ScienceDirect | Scopus  IF:  3.167 |  | Volume 4, Supplement 1, page 129-130 |  |
|  | Single Left Coronary Artery Described by 64-slice MSCT | 03 |  | ScienceDirect | Scopus IF:  3.167 |  | Volume 4, Supplement 1, page 85 | 2009 |
|  | P-117 Role of 64 Multi Detector Computed Tomography in Congenital Heart Diseases | 04 |  | ScienceDirect | Scopus  IF:  3.167 |  | Volume 4, Supplement 1, page 84-85 | 2009 |
|  | Submitral Aneurysm: Case Report | 04 |  | ScienceDirect | Scopus  IF:  3.167 |  | Volume 35, Issue 8, Suppl. 3, page 143 | 2009 |
|  | Microbiological profile and risk factors for hospital mortality of infective endocarditis in tertiary care hospitals of south Vietnam | 14 |  | PloS ONE  ISSN:  1832-6203 | Scopus  IF: 3.24 |  | Plos ONE 12(12):e0189421, Dec. 14,20171/10-10/10 | 2017 |
|  | MSCT in diagnosis of congenital heart diseases in Vietnam | 02 |  | Advancements in cardiovascular ISSN:  2638-5368. | DOI:10.32747/ACR.2019.02.000135 |  | Vol.2, Issue 3, 152-160 | 2019 |
|  | MDCT in diangosis of Anomalies of coronary artery origin and course: A Coronary MDCT-Angiographic study of 9572 patients. | 01 | x | Advancements in cardiovascular ISSN:  2638-5368. | DOI:10.32747/ACR.2019.02.000136, |  | Vol.2, Issue 3.  161-164 | 2019 |
|  | Echocardiography and cardiac embolic stroke | 2 | x | Vascular Diseases and Therapeutics  ISSN:  2399-7400 | DOI:10.15761/VDT.1000180 |  | Vol.5:  1-7 | 2020 |
|  | Review of 10 years of practical 3DTEE ( 2010-2020 ) | 01 | x | Cardiology& Vascular Research  ISSN:  2639-8486 |  |  | Vol.4, Issue 3, 1-14 | 2020 |
|  | Pulmonary valvular endocarditis in the patient with pulmonary stenosis: A case report with Real-time 3DTEE& MDCT-640 | 01 | x | Vascular Diseases and Therapeutics  ISSN:2399-7400 | DOI: 10.15761/VDT.1000182 |  | Vol.5: 2-4 | 2020 |
|  | LV myxoma on Real-time 3DTTE in a young patient with dilated cardiomyopathy and apical thrombus. | 01 | x | Vascular Diseases and Therapeutics  ISSN:2399-7400 | DOI;10.15761/VDT.1000183 |  | Vol.5: 2-9 | 2020 |
| 45 | Perdictability of Fused 3D-T2-SPACE and 3D-TOF-MRA Images in Identifying Conflict in Trigeminal Neuralgia | 07 | x | Journal of Pain Research  ISSN:1178-7090  Q1 | Scopus IF:  2.581 |  | 2021: 14 3421-3428 | 2021 |
| 46 | Pulmonary inflammatory pseudo tumor in a severe superimposed pneumonia Sars-Cov-2 | 04 | x | Medical Science  pISSN 2321-7359; eISSN 2321-7367 | ISI  (ESCI ) |  | Medical Science, 26, e2213 ( 2022 ) | 2022 |
| 47 | Cardiac Amyloidosis, report of two cases with strain echocardiography and cardiovascular magnetic resonnance | 03 | x | Medical Science  ISSN2321-7367 | ISI  (ESCI) |  | Medical Science, 26, e2307 ( 2022 ) | 2022 |
| 48 | A case report with Transeophageal Echocardiography and CMR | 01 | x | Vascular Diseases and Therapeutics ISSN: 2399-7400 |  |  | Volume 7, page 1-5 | 2022 |

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ƯV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 12 bài báo.

***Lưu ý***: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ƯV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ƯV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích** | **Tên cơ quan cấp** | **Ngày tháng năm cấp** | **Tác giả chính/ đồng tác giả** | **Số tác giả** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ………………………………

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giải thưởng** | **Cơ quan/tổ chức ra quyết định** | **Số quyết định và ngày, tháng, năm** | **Số tác giả** |
| 1 | Gỉai khuyến khích Tim Mạch Can Thiệp | Hội Tim Mạch Học Việt Nam | 7/ 10/ 2003 | 01 |
| 2 | Giải Tuổi trẻ Tim Mạch Học Việt Nam 2003 | Hội Tim Mạch Học Việt Nam | 7/ 10/ 2003 | 01 |
| ... |  |  |  |  |

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:0

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích** | **Cơ quan/tổ chức công nhận** | **Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)** | **Cấp Quốc gia/Quốc tế** | **Số tác giả** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: ..……………………………………………………………………

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): - Giờ giảng dạy  
+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *TP.Hồ Chí Minh, ngày24 tháng 06 năm 2022…*   **NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  (Ký và ghi rõ họ tên)  TS BS Nguyễn Tuấn Vũ |